

Số: 557/QĐ-CDYT

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 Của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-CDYT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công khai dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa với số tiền: 25.064.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu đồng chẵn) (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Kế toán trưởng đơn vị, các Phòng, Khoa cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Phòng QLĐT-NCKH: Công bố trên phương tiện công khai của Trường (Website nhà trường, dán niêm yết);
- Lưu VT, P.KH-TC.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thành



PHỤ LỤC số 01

DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa

Chương 422 Loại 070 khoản 093

(Ban hành kèm theo Quyết định số 557 ngày 30/12/2024 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Tổng số
I. Dự toán chi thường xuyên Giáo dục, đào tạo:	25.064
1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)	12.518
1.1. Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	9.538
1.2. Kinh phí đào tạo theo định mức	2.980
- Hệ Cao đẳng	2.843
- Hệ Trung cấp	137
2. Kinh phí thực hiện CCTL 10% TK (Nguồn 14)	331
3. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)	12.215
3.1. Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	122
3.2. Cấp bù học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	906
3.3. Kinh phí học bổng học sinh DTTS theo Nghị Quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 sửa đổi bổ sung NQ 17/2012/NQ-HĐND ngày 28/6/2012	84
3.4. Kinh phí học bổng học sinh DTTS theo Nghị Quyết số 17/2012/NQ-HĐND và Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Chính phủ	1.615
3.5. Kinh phí học bổng học sinh các ngành nghề nặng nhọc độc hại nguy hiểm theo NĐ 81/2021/NĐ-CP và Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của BLĐTBXH	8.942
3.6. Kinh phí thuê dịch vụ bảo vệ cơ sở thực hành 27 Phan Chu Trinh (Lý do chưa triển khai được phòng khám nên chưa có nguồn thu) và cơ sở Hòn Nghê (Giao tại QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 01/7/2020)	546
II. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí:	
1. Học phí công lập (Đề lại đơn vị)	15.000